TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Lê Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 16, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 16, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn U tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nhiều ý kiến bất đồng nên không thể chung sống được nữa. Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà N về việc ông và bà N

tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Ông xác định giữa vợ chồng không có mâu thuẫn mà do bà N nghe lời con nên mới yêu cầu ly hôn với ông. Ông không đồng ý ly hôn, trường hợp bà N vẫn cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông U.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn U tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông U là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông U do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nhiều ý kiến bất đồng. Ông U không đồng ý ly hôn cho rằng đời sống vợ chồng giữa ông và bà N không phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà N xác định bà và ông U đã không còn chung sống với nhau từ lúc bà nộp đơn khởi kiện.

Xét thấy trong thời gian vợ chồng không còn chung sống, ông U không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông U đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông U.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông U thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng N xin ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004982 ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã V, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý